TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1769/2019/QĐST-HNGĐ	*Biên Hòa, ngày 28 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 2191/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh N, sinh năm 1983;

Địa chỉ: 166C5/5, tổ 5, khu C, khu phố Châu Thới, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn: Ông Trần Văn Hiếu, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Thôn Xí Nghiệp, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ tạm trú: Tổ 20B2, khu phố Cầu Hang, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84, 110 và 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 10 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Trần Thị Thanh Nhàn và ông Trần Văn Hiếu.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thanh N và ông Trần Văn H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc Như Q, sinh ngày 21/4/2015 cho bà Trần Thị Thanh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục;

ông Trần Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con hàng tháng là 2.000.000đ/tháng, kể từ tháng 11/2019.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí HNGĐ-ST: Bà Trần Thị Thanh N tự nguyện nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí ly hôn và 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí cấp dưỡng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000590 ngày 13/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS ND thành phố Biên Hòa;
- UBND phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương (Giấy CNKH số 75/2015, quyển số 01/2015, ngày 06/8/2015);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trương Thị Thảo